

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa Tập 545

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyển ngữ: Nguyễn Liên

Biên tập: Nguyễn Tâm

Thời gian: 27.08.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Mời chư vị hòa thượng, mời các bạn ngồi.

Mời xem từ dòng thứ hai từ dưới lên ở trang 702. Bắt đầu xem từ hai câu sau: “Nhu báo thân trang nghiêm ở trên”, bắt đầu xem từ đây.

“Tuy chẳng phải A Nan cùng hội chúng quả vị dưới ông có thể trông thấy hết, nhưng với sự gia bị từ oai thần của hai vị Như Lai, dùng phương tiện vượt trội để ai cũng có thể nhìn thấy tùy theo căn khí của mình, cho nên A Nan nhìn thấy vị Phật này như một tòa núi vàng cao hơn tất cả các cõi thế giới khác”. Đây là lúc A Nan và đại chúng trong pháp hội được trông thấy Phật A Di Đà.

Quán Kinh đã ghi rất rõ, đây là báo thân, chẳng phải ứng hóa thân của Phật A Di Đà, tướng của báo thân rất lớn. Từ điểm này giúp ta có thể cảm nhận thật sự, chẳng còn hồ nghi nữa.

Trước kia lúc mới học giáo lý Phật, luôn cho rằng đến thế giới Tây phương Cực Lạc, nhất định là cõi thật báo thân mới có thể thấy được báo thân. Còn cõi phàm thánh đồng cư, cõi phương tiện hữu dư chắc chắn là ứng hóa thân của Phật A Di Đà. Vì trong 48 lời nguyện Phật nói về 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, đây là ứng thân Phật.

Nhưng trong 48 lời nguyện cũng có nói đến tất cả chúng sinh sinh về thế giới Cực Lạc, thì thân tướng hoàn toàn tương đồng với Phật A Di Đà, gọi là thân tử ma chân kim sắc, đây là nói về thể chất. Thân tử ma chân kim sắc không phải nhục thân (thân xương thịt) mà là pháp tánh thân. Ở trước đã từng nói rất nhiều, đã học qua, không phải thân máu thịt, mà là thân pháp tánh. Tâm thân này của ta là pháp tướng, là tướng phân của a lại da thức, phải nhớ kỹ điều này.

Đến thế giới Cực Lạc rồi thì có thể nói đã chuyển thức thành trí, không phải nhờ công sức của chính mình. Hai cõi dưới đây quả thật được gia trì bởi oai thần của bản nguyện Phật A Di Đà. Phải nhớ bản nguyện là 48 lời

nguyện Phật phát ra khi ở nhân địa. Oai thân là oai đức thân thông, công đức tu hành năm kiếp của Phật A Di Đà. Nếu chẳng có công đức tu hành năm kiếp đó thì đâu ra oai đức thân thông đến thế.

Do đó chúng ta liên tưởng đến việc đọc kinh, niệm Phật, hồi hướng cho người khác. Liệu thật có công đức chẳng? Chúng ta lấy gì để hồi hướng? Tại sao ngày nào cũng phải hồi hướng mà vẫn còn rất nhiều oan gia trái chủ đeo bên người? Người xưa hồi hướng hiệu quả, người đời nay hồi hướng hình như chẳng mấy tác dụng. Chỉ có trong những pháp hội lớn thì sức mạnh tập thể đó mới có thể sản sinh ra hiệu quả.

Vì sao năng lực tập thể lại sinh hiệu quả? Vì trong mấy trăm người thế nào cũng phải có một hai người tu hành thật sự, chúng ta dựa hơi những người đó. Nếu một kẻ tu hành thật sự cũng chẳng có thì hiệu quả rất giới hạn. Ta chẳng thể không hiểu đạo lý này. Khi hiểu rồi thì phải biết chúng ta cần tu thật, thực hành nghiêm túc, không thể làm giả dối. Tu thật thực hành thật thì có công đức thật, hồi hướng mới có tác dụng thật.

Thế hiện giờ chúng ta có đang tu thật chẳng? Không thể nói là chẳng hề tu, ta đang tu đó, nhưng hue thế nào cũng không thành tựu, làm sao cũng không thể sánh bằng người xưa. Điều này quý vị phải biết, Phật từng nói trong tất cả kinh điển Đại Thừa Tiểu Thừa, Hiền Giáo Mật Giáo chẳng có pháp môn nào không nương vào tam học giới định tuệ. Giới định tuệ chẳng phải mình Đức Phật Thích Ca Mâu Ni mà tất cả chư Phật, mười phương tam thế nhất thiết chư Phật đều xem là căn bản để giáo hóa chúng sinh.

Phật dạy những gì? Phật chỉ dạy 3 điều này thôi: Nhân giới sanh định, nhân định phát tuệ. Quý vị phải hiểu y như một thân cây vậy: Giới là rễ, định là gốc, tuệ là hoa quả, nở hoa kết trái. Nếu chẳng có giới thì xem như không.

Hiện nay một pháp hội mở xong còn có những chúng sinh mà chúng ta không nhìn thấy, những chúng sinh linh tánh, lộ ra cho chúng ta rất nhiều thông tin họ không đi. Lợi ích chúng sinh đó có được rất hạn chế, vậy là ta đã có lỗi với họ. Chúng ta nhờ Phật, nương theo công đức Phật. Công đức Phật như thế nào mới có thể cho chúng ta? Lý do này chúng ta đã giảng rất nhiều lần. Việc Phật gia trì cho chúng ta là tương đối, chúng ta có một phần công đức thì Phật gia trì một phần, ta có hai phần công đức thì Phật gia trì hai phần. Ta chẳng có công đức nào thì Phật gia trì không nổi, Phật thương xót chúng ta nhưng chẳng gia trì được. Ta mà có mười phần công đức thì Phật sẽ gia trì cả mười phần. Điều này chắc chắn là tương đối, cho nên hiểu được đạo lý trên chúng ta chẳng thể không dụng công, chẳng thể tu giả.

Giới của nhà Phật, giới căn bản, đây là nền tảng của giới luật, gốc là ngũ giới thập thiện. Tuyệt đối chớ coi thường những giới nhỏ nhất này.

Lúc tôi mới xuất gia thì lớp sư huynh trên bảo: đây là những giới nhỏ nhất. Giới lớn là những giới gì? Tỳ kheo giới là đại giới, Bồ Tát giới là đại giới. Thọ đại giới rồi có giữ nổi chăng? Không, vì sao không giữ được? Vì chẳng có gốc rễ. Học theo thế nào cũng không giống, vấn đề này rất quan trọng.

Tất cả đều cảm nhận Phật pháp suy yếu, suy thật rồi. Chẳng những suy mà còn có thể diệt mất. Điều này Phật đã từng nói: giới không còn thì Phật pháp chẳng còn, Phật pháp sẽ mất. Kinh lưu lại thế gian có người nghiên cứu xem như một học thuật, Phật pháp đã biến chất. Chẳng có cách nào giúp ta liễu sanh tử ra xuất tam giới, cũng chẳng có cách giúp ta vãng sanh về thế giới Cực Lạc. Vì sao thế? Vì bạn không y theo phương pháp, lý luận của kinh điển để học tập. Thực hành, được, như vậy có công đức, không thực hành, không có.

Trong bao nhiêu năm qua, chúng tôi đã cảm nhận sâu sắc và quan sát nguyên nhân khiến Phật giáo suy, lời giáo huấn của tổ sư ghi trong kinh điển chúng tôi đã chính mắt chứng kiến, đã hiểu. Tại gia học Phật không giữ nổi thập thiện, người xuất gia tu học không giữ được luật nghi của sa di, là giả. Vì sao đã xuất gia mà không giữ được luật nghi sa di, không giữ được ngũ giới thập thiện? Vì sao những điều đó cổ nhân đều thực hiện được?

Phật pháp truyền sang Trung Quốc đã 2000 năm, tôi thường nói: “*Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*” mà các tông môn thường nói. 2000 năm qua có khoảng bao nhiêu người gần thành Phật? Ta hãy xem Ngũ Đăng Hội Nguyên, Cảnh Đức Lục, tính toán khái lược khoảng 3000 người. Thành tích này vô cùng khả quan, vượt cả Ấn Độ.

3000 người này gồm cả Tông môn giáo môn, niệm Phật niệm đến lý nhất tâm bất loạn. Mật Tông có hơn 3000 người thật sự tam mật tương ứng. Còn trong pháp môn niệm Phật đời nghiệp vãng sanh thì ước tính 2000 năm qua không chỉ trăm ngàn người. Pháp môn này quá sức thù thắng. Vì sao người khác tu thành?

Do Trung Quốc xưa là một dân tộc vô cùng trọng thị việc giáo dục, nhất là giáo dục gia đình. Những đại gia đình ở Trung Quốc đến tận năm đầu Dân Quốc vẫn còn tồn tại, và những người trạc tuổi tôi nhớ được là những ngôi nhà nhiều thế hệ sống chung, anh em không dọn riêng ra. Nhà của chúng ta hiện nay đã suy thoái rồi, đúng là nhà tan người mất. Chúng

tôi quá nhỏ, chẳng biết nguyên nhân vì sao. Khi lớn lên cha mẹ chẳng cho hay, chỉ biết qua ít thông tin lượm lặt được từ bạn bè thân thích, không hoàn chỉnh và vô cùng đáng tiếc.

Thuở bé chúng tôi sống ở nhà họ hàng, là chị của cha tôi, là cô của tôi. Nhà của cô là một gia tộc lớn, 10 anh em sống chung nhau, cả một thôn trang là một gia đình. Lúc đó chắc khoảng gần 200 người, rất suy yếu, là một gia tộc. Gia đình ở Trung Quốc, thông thường nói, một gia đình bình thường đều khoảng trên dưới 300 người, đông như thế. Nhà nào nhân đình hưng vượng còn đến sáu 700 người.

Bạn xem một gia đình lớn thế, nếu không có quy củ, không phải loạn sao? Cho nên từ bé trẻ con đã được giáo dục không được ích kỷ. Khi khởi tâm động niệm gì cũng phải nghĩ đến cả một gia tộc, cả gia đình, chứ không chỉ nghĩ đến cha mẹ thôi. Ra ngoài làm việc kiếm tiền về đều giao cho nhà chính giữ. Nhà này giống như một tổ chức, một đoàn thể.

Quý vị đọc Hồng Lôu Mộng rồi chẳng? Một gia tộc là như thế đấy. Người quản lý tài vật, việc nhà là Vương Hy Phụng. Bên nhà Phật gọi là thầy tri sự, là một tổ chức như vậy. Phí sinh hoạt của mỗi người, là tiền chung của gia đình, hoàn toàn sinh hoạt cùng nhau, quần áo may mặc đều như nhau, cứ y như một tổ chức xã hội.

Thế nên gia hòa vạn sự hưng, chẳng phải gia đình bé nhỏ như bây giờ, hiện giờ chẳng còn nhà như thế nữa. Gia hòa vạn sự hưng, nhưng ngôi nhà đó ở không biết. Nếu ta có thể trị gia thì có thể trị nước. Trị gia và trị quốc chẳng khác gì nhau, chỉ có phạm vi lớn hơn thôi. Những vụ việc trong nhà cũng chia ra nhiều loại, ai coi gì, ai quản gì,..., nhà cũng là một tổ chức hành chánh.

Quả thật từ khi mới hoài thai người lớn đã phải dạy trẻ con. Trong nhà trên thì có cha mẹ, ông bà, ông cô, bà cô, ông sơ, bà sơ, ngũ đại đồng đường. Nếu ông sơ, bà sơ chẳng còn, ít ra còn ông cô, bà cô. Thử tính xem: ông bà cô, ông bà nội, cha mẹ, người lớn đều biết dạy. Đứa bé này, khi người mẹ mang thai, khi có mang thì có lễ giáo lúc hoài thai, phải hiểu. Lễ giáo như thế nào? Con dâu khi làm mẹ là phải biết mỗi khởi tâm động niệm của mình sẽ tác động đến thai nhi, cảm xúc của mẹ sẽ ảnh hưởng thai nhi, lời nói hành vi cử chỉ cũng sẽ ảnh hưởng thai nhi, cho nên tất cả đều phải đoan trang. Phải tác động tốt đến bào thai chứ không đưa tác động xấu vào.

Trong 10 tháng mang thai đó không được nóng giận buồn rầu, ghen tức, sân si... đây gọi là thai giáo. Thường những gia đình lớn, gia đình quan lại đều biết và vô cùng trọng thị, việc dạy từ trong thai. Chúng ta hay bảo gia

đình phú quý.

Khi nhà Thanh mất, đến những năm đầu Dân Quốc vẫn còn kiêu nhà đó. Chúng tôi sống ở quê nên vẫn gặp nhà có từ đường là nơi thờ cúng tổ tiên. Mỗi năm đều có tế lễ vào mùa xuân, mùa thu, tiết trung nguyên. Bình thường thì sao? Còn thường ngày thì từ đường là trường, học ở nhà, chính là tư thực, là gia học. Học sinh là con em cháu trong đại gia đình này.

Những trẻ em 6, 7 tuổi thông minh, căn tính tốt, 6 tuổi đi học. Thường thì đến 7 tuổi mới theo học, lớn nhất là khoảng 18,19 tuổi. Tất cả đều học chung một lớp, một thầy. Người thầy hết sức có trách nhiệm, vì sao vậy? Vì được gia chủ mời. Nếu ông nội cai quản thì ông nội là gia chủ, nếu ông cố cai quản thì ông cố là gia chủ. Khi đi thỉnh thầy về dạy, gia chủ đập đầu lễ thầy. Họ vô cùng tôn sư trọng đạo nên nếu thầy không tròn trách nhiệm thì có lỗi với gia chủ, có lỗi với tổ tiên nhà đó. Sau khi có đứa trẻ ra đời, thì người lớn phải làm gương tốt cho trẻ, tấm gương đó là gì?

Quý vị xem trong Đệ Tử Quy sẽ thấy, chẳng phải dùng để dạy trẻ đọc hay học thuộc, hay kể cho trẻ nghe, mà chính là cha mẹ phải làm cho trẻ nhìn xem. Đứa trẻ mới sinh ra thì đã mở mắt để nhìn, đồng tai để nghe, nó đã bắt đầu học hỏi, bắt chước. Thế nên giáo dục căn bản phải bắt đầu từ lúc nào? Từ khi trẻ sinh ra đến 3 tuổi là 1000 ngày.

Hiện giờ chúng ta đều không được hưởng nền giáo dục đó, nên ta chẳng có căn bản. Không có căn bản, chúng ta học bù thì chẳng ích gì. Ngoài đời quá nhiều cám dỗ, danh lợi sẽ khiến lòng ta thay đổi ngay lập tức. Vì sao lại thế? Vì nền tảng không vững chắc. Thậm chí nếu bạn không nghiêm túc học thì còn chẳng có cả rễ. đây là gì? Đây là căn bản của giới luật.

Cho nên bao đời Phật pháp ở Trung Quốc, dù là cư sĩ tại gia hay người xuất gia, xuất gia là cao tăng, tại gia là cao sĩ, cư sĩ là cao sĩ, đều có thành tựu, là gì?. Vì nhờ nền giáo dục căn bản đã thành công. Thời nay thì tìm khắp thế giới cũng không đâu ra hạng cao nhân như thế, không tin quý vị cứ thử tìm xem. Quý vị đi khắp thế giới, người xuất gia có thể tìm ra một Ấn Quang pháp sư chăng? Có thể tìm thấy một Đệ Nhàn pháp sư chăng? Tìm khắp thế giới cũng không tìm thấy.

Chúng ta hiện nay bất kể đức hạnh hay học vấn đều không bằng được các ngài, cách biệt quá xa. Còn cư sĩ tại gia thì ai sánh nổi Dương Nhân Sơn? Đầu năm dân quốc cư sĩ Giang Vị Nông, Tưởng Duy Kiêu tìm khắp thế giới cũng không ra. Đến người như cư sĩ Lý Bình Nam cũng chẳng tìm được.

Quý vị thắc mắc nguyên nhân gì? Chẳng phải do thiện căn phước đức của ta không bằng, tôi không tin những điều này; thông minh trí huệ không bằng, tôi không tin. Do nền giáo dục ta thụ hưởng không còn, giáo dục căn bản không còn. Cho nên Phật pháp muốn hưng vượng đâu dễ!

Có thể giống như tình hình khi Đạt Ma tổ sư sang Trung Quốc, một người truyền cho 1,2 người, cứ truyền như thế thì phải 3,4 đời mới thịnh được. Bạn thấy thiên tông của Đạt Ma tổ sư truyền đến đời thứ 6 là ngài Huệ Năng đại sư mới nở hoa kết quả. Năm đời phía trước đều đơn truyền, mỗi đời chỉ truyền một người, ngọn lửa cứ thế tương truyền, không dứt. Nhất định phải hiểu đạo lý này.

Trong xã hội hiện nay, bồi dưỡng nhân tài vô cùng khó khăn, vì sao vậy? Vì họ thiếu nền giáo dục căn bản thuở nhỏ. Từ lúc sinh ra đến năm 3 tuổi là 1000 ngày, thì trẻ em thời nay học được gì? Toàn ngồi xem ti vi, học được những cảnh bạo lực, sàm sỡ, sát đạo dâm vọng trong phim, họ học những điều này. Khi đến trường, học sinh Trung Quốc học thế nào tôi không rõ, nhưng trường ở Mỹ thì tôi biết.

Cháu của Hàn quán trưởng sinh ra ở Mỹ, học tiểu học ở Mỹ, mới lớp 1 đã sử dụng máy tính, trong máy tính có bài tập của cháu, có bài học của nó. Ngoài bài vở ra thì máy tính còn liên thông với máy tính khác và đủ thứ game, đủ thứ trò chơi, cháu rành hết. Thường thức của nó vô cùng phong phú, nhưng chưa được tiếp xúc nền giáo dục của Thánh hiền. Nếu được tiếp xúc liệu cháu có hiểu chăng?

Dù đời quá khứ có thiện căn cũng chẳng dễ gì tiếp thu, mà dù có tiếp thu liệu chịu được thử thách của danh lợi chăng? Càng nghĩ càng thấy khó, càng thấy sợ. Cho nên chúng ta luôn khích lệ những bạn tu trẻ tuổi hãy tu hành thật sự, phải cứu Phật giáo, cứu văn hóa truyền thống. Muốn văn hóa truyền thống được thịnh trở lại thì những gốc rễ sau đây cần lưu ý. Gốc rễ văn hóa ngàn vạn năm tổ tiên Trung Quốc truyền lại chính là: ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức.

Dựa vào đâu? Dựa vào Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp Đạo. Ba quyển này mà không còn thì chẳng còn gì nữa. Nghiên cứu kinh giáo là học thuật, chẳng ích gì.

Trong 2 năm 2005, 2006, 2 lần tôi phỏng vấn London, căn trọng khảo sát 3 ngôi trường: đại học Oxford, đại học Cambridge, đại học London. Ngành Hán học ở châu Âu thì đại học London giỏi nhất, tuy tên tuổi không bằng Oxford, Cambridge nhưng riêng ngành Hán học lại đứng đầu, biến thành gì? Trở thành học thuật. Tôi đã giao lưu với giảng viên và sinh viên

của khoa Hán học ở đại học London và Cambridge, và giảng cho họ 2 giờ. Những gì họ học là Nho học, Phật học và Đạo học, đều đã biến thành tri thức, chẳng còn là trí huệ.

Cái cổ nhân Trung Quốc truyền lại là học Phật, học Nho, học Đạo, rất khác. Học Nho phải học như Khổng Tử, Mạnh Tử. Bạn phải là Khổng, Mạnh xuất hiện thời nay, cứu được thế giới. Học Phật thì phải học được như Phật Thích Ca Mâu Ni. Học đạo phải học được như Lão Tử, Trang Tử, đây mới là học. Nhưng những sinh viên đó khác, chỉ nghiên cứu như một môn học, cho chẳng liên quan gì với tư tưởng và hành vi của chính mình, cho nên đã biến nó thành học thuật.

Ngày hôm nay Phật giáo cũng đã biến thành học thuật. Những năm đầu Dân Quốc cũng có xu hướng học thuật, ở bậc đại học có đem kinh Phật vào bài giảng. Nhưng chẳng quan trọng việc tu hành, giới luật thì không có. Giảng thì có giảng nhưng không chú trọng thực hành. Như tam lễ của Nho Gia: Chu Lễ, Nghi Lễ, Lễ Ký có nói, trường có giảng nhưng chẳng ai thực hành. Học để biết thời xưa có xã hội như thế, giờ chẳng còn nữa.

Chúng ta muốn phục hưng Nho Phật Đạo, đều muốn hưng khởi lại, không đến nỗi diệt vong, thì phải làm chứ đừng nói suông. Không làm sao được? Những người như ông A Nan nhờ đâu mà thấy báo thân của Đức Phật A Di Đà? Đoạn trước đã nói, do chính mình dùng tâm thanh tịnh niệm Phật A Di Đà, tâm thanh tịnh đó là công phu của A Nan. Nhưng nếu ông không tu hành thì đâu ra tâm thanh tịnh?

Đức Thế Tôn thường giảng trong Kinh: *“Tâm tịnh tức cõi Phật tịnh”*. Do đâu tâm thanh tịnh? Có cái tôi thì tâm không thanh tịnh. Cái tôi là căn bản của tất cả nhiễm ô. Nên khi đọc Kinh Kim Cang bạn phải lưu ý đặc biệt, trong kinh Kim Cang nói: vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sinh tướng, vô thọ giả tướng. Đã đạt được tâm thanh tịnh, là hạng người nào? Là tiểu thừa Tu Đà Hoàn. Ngay lập tức chúng ta liên tưởng đến đại thừa Kinh Hoa Nghiêm nói là Bồ Tát Sơ Tín Vị của Thập Tín Vị. Thập Tín là lớp 1 tiểu học, họ đã phá được tứ tướng, tâm thanh tịnh hiện tiền.

Do A Nan trong pháp hội có thân phận là Tu Đà Hoàn. Sơ quả, A nan chứng được sơ quả, quả vị không cao, chẳng còn tứ tướng, nhưng chắc còn tập khí của tứ tướng. Vì từ Sơ Quả đến Tứ Quả đều phá tứ tướng. Trong Kinh Kim Cang thì tứ tướng không còn. Vậy là chúng ta biết đoạn kiến hoặc, 5 loại kiến hoặc: thân kiến, biên kiến, kiến thủ kiến, giới thủ kiến, trình độ chẳng giống nhau. Tu Đà Hoàn là thấp nhất như, khi thi được 6 điểm vậy, trên còn 7 điểm, 8 điểm, 9 điểm, A La Hán là 10 điểm. Tất cả đều tu pháp môn này.

Chúng ta chưa buông bỏ được cái ngã, còn ngã thì sẽ còn tự tư tự lợi, còn danh vẫn lợi dưỡng, còn tham sân si mạn, còn rất nhiều tâm trạng không tốt, còn cả oán hận phiền não nộ, tâm chẳng thanh tịnh. Pháp môn này vô cùng thù thắng và vô cùng đặc biệt, chẳng có nhiều thứ rắc rối phức tạp, chỉ dạy ta phát Bồ Đề tâm, một lòng chuyên niệm Phật A Di Đà. Bạn thấy phương pháp đơn giản thế đó, mà niệm được tâm thanh tịnh.

Tâm Bồ Đề rất quan trọng, là mục tiêu, phương hướng tu hành của ta. Tu hành phải tu ra sao? Phải tu đến khi tâm chân thành hiện tiền, xử sự đối đãi đều dùng chân tâm, không dùng vọng tâm. Căn của Bồ Đề là chân thành, tự thọ dụng của tâm Bồ Đề là thanh tịnh bình đẳng giác, đây là tự thọ dụng. Thanh tịnh bình đẳng giác theo ông Phương Đông Mỹ là hưởng thụ cao nhất của đời người. Chẳng phải tiền bạc, địa vị, ngũ dục lục trần, thanh tịnh bình đẳng giác là hưởng thụ tối cao. Đối đãi từ đại bi với người khác thì thọ dụng của người ấy là từ bi, đều từ tâm chân thành mà ra. Từ bi với người thì trong chữ từ bi này có chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác. Cảm động biết bao!

Một niệm tâm này niệm A Di Đà Phật thì ngay lập tức cảm ứng đạo giao với Đức Phật A Di Đà, Phật sẽ hiện thân cho bạn thấy. Đương nhiên ở đây: “Được oai thần của Như Lai hai cõi gia bị”, Phật Thích Ca gia trì cho ta. Như chúng ta tưởng tượng, Đức Thế Tôn sẽ thay chúng ta thỉnh cầu Phật A Di Đà hiện thân, Phật A Di Đà cũng có bản nguyện này, sẽ chứng minh cho chúng ta thấy, biết là thật chứ không giả.

Đây là: “Dùng phương tiện thù thắng, tùy theo căn tánh của mỗi chúng sanh mà đều được thấy”. Cho nên A Nan đã thấy, bằng không thì người thường không được gặp. Thấy pháp thân chỉ có pháp thân Bồ Tát mới có thể thấy được pháp thân Phật. Chẳng phải pháp thân Bồ Tát làm sao thấy được pháp thân, chỉ có thể gặp ứng hoá thân thôi. Nhưng việc A Nan đã được thấy pháp thân khiến chúng ta nghĩ đến một vấn đề: chính là chúng ta sinh về thế giới Cực Lạc đồng nghĩa sinh về cõi phàm thánh đồng cư, vậy ta gặp báo thân Như Lai hay là gặp ứng thân Như Lai?

Nhưng rõ ràng trong 48 lời nguyện có nói: Đến thế giới tây phương Cực Lạc là thế giới bình đẳng, không sai biệt. Thế giới bình đẳng không có sai biệt đương nhiên là gặp báo thân, vì Phật đã bảo tất cả đều là Bồ Tát bất thoái chuyển, bất thoái chuyển là báo thân. Thấp nhất là bất thoái chuyển. Từ Sơ trụ viên giáo Đại thừa trở lên, họ đều minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, là những người như thế, địa vị như thế.

Đến thế giới Cực Lạc chúng ta không chứng được vị trí này. Điều này thì trước đó khi học, đã chia sẻ với quý vị là nhờ oai thần bản nguyện của

Phật A Di Đà gia trì. Chúng ta đến Cực Lạc tuy là cõi phàm thánh đồng cư, phiền não tập khí đều chưa dứt, nhưng ở Cực Lạc thần thông, đạo lực, trí huệ tất cả hưởng thụ đều bình đẳng giống y pháp thân Bồ Tát. Đó là vì sao? Nhờ ơn đức Phật A Di Đà gia trì, đây là ân đức!

Ví như một người sinh làm con trai hoàng đế, cả đời được tận hưởng vinh hoa phú quý của vua chúa, chẳng phải do tài năng mình, mà nhờ có người cha đứng đầu thiên hạ. Chính là đạo lý này đó. Những kẻ vãng sanh về thế giới Cực Lạc, chúng ta được hưởng phước của Phật A Di Đà. Phước đức của Phật từ đâu ra? Từ 48 lời nguyện và 5 kiếp tu hành. Như vậy chúng ta mới thật sự cảm nhận cái sâu sắc lớn lao của ơn đức Phật A Di Đà. Làm thế nào đền đáp ơn Phật? Người hy vọng chúng ta đến nơi đó, chúng ta đến đó thật là đã đền ơn được.

Muốn đến Cực Lạc thật sự thì phải buông bỏ thế giới này. Buông bỏ rồi thì chẳng còn gì căng thẳng, sự sợ chướng ngại. Buông bỏ là ý nghĩ, trong tâm không thể có, trên sự có hay không đều tùy duyên, có cũng được mà không cũng tốt. Chuyện đời tùy duyên được thì lòng thanh sạch. Trong lòng chỉ có A Di Đà Phật, thế giới Cực Lạc, tốt nhất chỉ nghĩ đến cảnh giới trong kinh điển. Nghe giảng kinh, đọc tụng kinh giúp ta nhiếp thu thông tin về thế giới Cực Lạc. Niệm Phật thì chắc chắn được sinh về đó.

Phật A Di Đà hiện thân là pháp thân như ngọn núi vàng, cao hơn tất cả các thế giới. Ta tin có người có kinh nghiệm này rồi. Lúc tôi mới theo học Phật có một cư sĩ nữ bảo tôi, trong mơ bà thấy Đức Phật A Di Đà. Bao lớn? To bằng cả bầu trời. Tôi tin điều đó vì tôi đã gặp một lần, rõ ràng Đức Phật cao hơn tất cả thế giới. Chính mắt tôi nhìn thấy tượng Phật như thế, chẳng còn thấy bầu trời đâu. Vậy chúng ta tin cảnh giới này không giả vì chẳng phải mỗi mình tôi gặp.

"*Vô ngại vô đoan*" câu này hết sức quan trọng. Vì sao? "*Mười phương Như Lai diễn pháp vi diệu biện tài vô ngại, nên gọi là vô ngại*", câu này hàm nghĩa gì? Lời khen ngợi của 10 phương Như Lai đối với Phật A Di Đà không ngớt. Vì sao phải tán thán Đức Phật A Di Đà? Ta nói theo ngôn ngữ hiện nay thì các ngài chiêu sinh giúp Đức Phật A Di Đà. Đây là một ngôi trường mà Phật A Di Đà là hiệu trưởng. 10 phương chư Phật giống như cha mẹ chúng sinh đều mong đưa con em vào trường này học, cho nên chư Phật đều tán thán Phật A Di Đà, đều khen ngợi trường khiến chúng ta nẩy sinh tín tâm, phát nguyện đối với Phật A Di Đà, với Tây phương Cực Lạc.

Phật A Di Đà thuyết pháp xưa nay chưa hề gián đoạn, bất luận là tướng hay âm thanh toàn từ tự tánh phát ra, không phải từ ý thức. Chúng sinh ở 10 pháp giới không chuyển thức thành trí do từ a lại gia phát ra. Khi pháp

thân Bồ Tát chuyển thức thành trí rồi thì a lại gia chẳng còn, cho nên thế giới Ngài trụ vĩnh cửu bất biến. Vì sao? Duy thức sở biến. Họ chẳng còn thức nữa cho nên thế giới của họ không có biến hoá, cảnh giới không biến đổi nữa, chẳng có chướng ngại, chẳng hề gián đoạn.

“Tán thán như vậy, tận vị lai tế, không có gián đoạn, nên gọi là vô đoạn, vô ngại vô đoạn”. Cho nên trong dòng kinh văn này chất chứa rất nhiều ý nghĩa. Chúng ta phải cẩn trọng cảm nhận, biết chính mình phải học hỏi như thế nào. Lại xem tiếp đoạn dưới đây:

“A nan bạch ngôn, bỉ Phật tịnh sát, đắc vị tăng hữu, ngã diệc nguyện nhạo sanh, u bỉ độ. Thế Tôn cáo ngôn, kỳ trung sanh giả, dĩ tăng thân cận, vô lượng Chư Phật, thực chứng đức bốn, nhữ dục sanh bỉ, ưng đương, nhất tâm quy y chiêm ngưỡng”.

Đây là A Nan nguyện sinh về. Chỉ cần đã thật sự thấy, thì chúng tỏ thiện căn phúc đức của ta rất sâu dày nên ta mới thấy được, mới nghe được, mới có thể sinh tín tâm, mới ngưỡng mộ, mới phát nguyện và quyết định sẽ được sinh về nơi đó. Bạn hãy bồi dưỡng thiện căn phúc đức của mình đến một trình độ nhất định, thì Phật sẽ hiện thân cho ta thấy Ngài, chứng minh cho ta biết. Như lời Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói: nhớ Phật niệm Phật, hiện tại đương lai nhất định thấy Phật. Hiện tiền thấy Phật là do Phật từ bi chứng minh cho ta thấy để tăng cường tín tâm của mình, Phật có dụng ý như thế.

Ta thấy trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục viết về Sơ Tổ Huệ Viễn, là người đầu tiên đề xướng việc chuyên tu tịnh thổ ở Trung Quốc. Chúng ta tôn xưng Ngài là Sơ Tổ, là tổ sư đời thứ nhất, sống vào thời Đông Tấn. Ngài tạo dựng một niệm Phật đường đặt tên Đông Lâm niệm Phật đường ở Lư Sơn, Giang Tây. Bao nhiêu người cùng tu hành ở nơi đó? 123 người. 123 người đều được vãng sanh, thù thắng không gì sánh được! Đương nhiên không phải họ cùng vãng sanh một lúc, mà là người đi trước, kẻ về sau.

Những cư sĩ như Lưu Di Dân, trong có kẻ xuất gia, kẻ tu tại gia, tăng tục tu chung một nơi. Lúc vãng sanh ngài Huệ Viễn bảo mọi người, ông đã thấy thế giới Tây phương Cực Lạc 3 lần nhưng chưa từng kể với ai. Ông thấy lúc nào? Ông thấy trong định, lúc niệm Phật chỉ tịnh. Khi đi nhiều vòng quanh tượng Phật 3 lần, rồi ngồi xuống chỉ tịnh và thấy được, thấy được ba lần. Người ta hỏi ông thế giới Cực Lạc ra sao? Ông trả lời hoàn toàn giống trong kinh giảng.

Thời ngài Huệ Viễn chỉ có một bộ Kinh Vô Lượng Thọ. Kinh A Di Đà, Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, tin rằng lúc đó đã truyền đến Trung Quốc

nhưng chưa được dịch sang Trung văn. Cho nên họ chẳng được đọc Kinh A Di Đà, và Quán Kinh, chỉ có bộ Vô Lượng Thọ Kinh. Kinh Vô Lượng Thọ truyền sang Trung Quốc sớm nhất và cũng được dịch sang tiếng Trung sớm nhất. Rất nhiều khả năng ngài Huệ Viễn đã sử dụng bản kinh của An Thế Cao, nhưng bản này đã thất truyền.

Bộ kinh này được dịch tổng cộng 12 lần, từ thời nhà Hán đến nhà Tống suốt 800 năm, phiên dịch nhiều nhất, 12 lần, giờ chỉ lưu lại được 5 bản dịch, 7 bản kia đã thất truyền. Qua nội dung của 5 bản dịch này, đã khẳng định Phật Thích Ca Mâu Ni lúc tại thế đã giảng rất nhiều lần Kinh Vô Lượng Thọ. Tất cả kinh khác Thế Tôn chỉ giảng một lần, không lặp lại, duy chỉ có bộ kinh này như vậy.

Giờ chúng ta xem 5 bản dịch, thì ít nhất có 3 lần giảng nội dung khác nhau. Còn 7 bản dịch thất truyền kia, nếu tìm lại được thì không chỉ khác có 3 nội dung. Cho nên tổ sư phán đoán lúc Thế Tôn còn tại thế đã giảng kinh này rất nhiều lần, ít nhất trên 3 lần, đủ thấy tầm quan trọng của kinh này! Ngài còn đặc biệt khuyên dẫn ta coi trọng pháp môn đó, vì nó giúp ta thành tựu chỉ trong một đời, việc rất hiếm có ở thời buổi chúng ta.

Nữ cư sĩ Lưu Tố Vân đã làm tấm gương cho ta. Khi bà tu thành xong chúng ta mới biết về bà. Xem CD bà báo cáo việc tu hay trả lời phỏng vấn của ký giả, tôi không rõ bà học ai vì bà chẳng nói. Về sau mới được nghe bà có một bộ CD ghi những lời giảng thời gian đầu của chúng tôi ở thư viện Cảnh Mỹ. Chắc là lần thứ 3 hay lần thứ 4 giảng về Vô Lượng Thọ Kinh. Trước kia chúng tôi đã giảng 10 lần.

Khi đó do không được đọc chú giải của Niệm Lão, tôi giảng y theo bản chú thích đầu trang của thầy Lý. Nữ cư sĩ đã có băng ghi âm kia, chắc là do có người thu vào CD nên bà có bộ CD kể trên. Mỗi ngày bà nghe 10 tiếng đồng hồ. Bà nắm bắt một câu trong kinh Phật: thâm nhập một môn, huân tu lâu dài. Bà giữ chắc câu này, quyển kinh này, chẳng nghe và cũng không tiếp xúc gì khác. Mỗi ngày 10 giờ.

Thực tế 10 giờ thì bà nghe 1 CD 1 giờ, trong 1 giờ nghe 10 lượt, nên nghe 1 biến thành ra 10 biến. Nghe hết rồi thì nghe lại từ đầu. Ngày nào cũng vậy trong suốt 10 năm. Lúc không nghe giảng kinh thì bà niệm A Di Đà Phật. Bà mắc chứng bệnh lao da ban đỏ mà chẳng dùng thuốc đã tự khỏi, chẳng có vết sẹo nào. Người Đông Bắc cho dù có khỏi bệnh ban đỏ, da cũng không thể hết sẹo, vậy mà bà chẳng có vết sẹo nào.

10 năm dụng công thực hành chỉ 1 bộ kinh, bình thường chúng ta thì khoảng 3-5 năm sẽ được niệm Phật tam muội. Chắc chắn bà đã được. Sau

khi được niệm Phật tam muội rồi thì khoảng 3, 4 năm sẽ được khai ngộ. Vì sao thế? Vì giữ quy củ, đây là trì giới, nhờ giới mà được định, bà đã định được rồi. Nhờ định mà mở huệ, bà đã khai ngộ rồi.

Tuy chỉ tu một bộ kinh nhưng bà nói rất hay, khi có người mời giảng Kinh Địa Tạng, bà đã giảng rất hay. Bất kể bộ kinh nào bà chưa từng được học nhưng nếu được mời giảng, bà đều giảng rành rẽ. Đây là thông một bộ kinh thì tất cả kinh đều thông. Cảnh giới ngộ của bà chúng ta không biết, nếu chẳng đại triệt đại ngộ thì cũng phải là đại ngộ. Bà bảo giờ bà chẳng còn chướng ngại.

Tôi hỏi có chắc được vãng sanh? Bà bảo có, lúc nào cũng được. Phật Bồ Tát cần lưu bà lại trên thế gian để làm gương cho pháp môn thì bà ở thêm vài năm, chẳng sao cả, bà có thể ở thêm vài năm. Tấm gương hay biết bao! Chỉ 10 năm mà bà đã tu thành thì ai cũng có thể tu thành.

Người ta hỏi bà làm cách nào để thành công? Bà chỉ nói 6 chữ: thật thà, nghe lời, nghiêm túc (làm). 6 chữ này là bí quyết chung của tất cả những kẻ thành công xưa nay ở khắp nơi, đều như vậy. Người không thành tựu đều do tự thấy mình thông minh, nên thật thà vô cùng khó.

Thầy Lý luôn nói với tôi, cả đời ông học cách thật thà mà học mãi cũng chẳng giống, đủ biết thật thà không dễ! Ông luôn nói: “*Đại trí nếu ngu*”, chữ nếu ngu này rất khó học được. Học thông minh thì dễ, học thật thà không dễ!

Ta xem chú giải của Niệm Lão: “*A nan chứng kiến Phật A Di Đà như ngọn núi vàng*”, đức tướng đoan nghiêm, đoan chánh trang nghiêm. “*Và các loại thanh tịnh trang nghiêm của cõi nước này, đều trước đây chưa từng thấy*”, xưa nay chưa từng thấy, lần này mới được gặp. “*Nên gọi là được điều chưa từng có*”, chưa từng có như thế, nay đã thấy được. “*Lại nghe mười phương chư Phật tán thán, sanh lòng hy hữu*”. Nghe 10 phương Như Lai tán thán Đức Phật A Di Đà, thế giới Cực Lạc, đương nhiên sẽ phát khởi đại nguyện, nguyện sanh về cõi Cực Lạc.

“*Chính là tượng trưng A nan đương cơ, khéo hợp thánh tâm*”. Thánh tâm chính là Phật tâm, tâm của Phật A Di Đà, tâm của Bồ Tát Thích Ca Mâu Ni Phật. Cả hai vị Phật này đều mong ta phát nguyện cầu vãng sinh. Phật chẳng hề có chút ý đồ riêng tư nào khi độ chúng sinh, chỉ mong sao ta mau thành Phật, đây là tâm Phật. Phật chẳng mong thấy ta cứ loanh quanh trong 6 nẻo luân hồi. Phật chẳng muốn thấy ta tu hành khổ sở thế, dài đặc thế, ngài không muốn thấy. Giờ đã có pháp môn này thì ta có thể chỉ trong một đời này siêu vượt qua 6 nẻo luân hồi, và chẳng cần phải vất vả nhiều

thế. Khi sinh về Cực Lạc trở thành Bồ Tát bất thoái chuyển. Đây gọi là pháp môn khó tin.

Kẻ nào chẳng tin? Bồ Tát chẳng tin. Bồ Tát chịu muôn ngàn khổ sở, tu hành vô lượng kiếp, cứ leo từng bậc như leo núi mà còn chưa lên đến nơi, tại sao ta lại đến rồi? Tốc độ ghê thế? Trường hợp này khác. Như Thế Tôn đã bảo ta: chúng ta tin và được gặp pháp môn này thì không dễ, đây không phải là đầu cơ kiếm lời. Vì sao? Bạn xem “*Người sanh về cõi nước này*”, phàm là người sinh về thế giới Tây phương Cực Lạc: “*Trong đời quá khứ đã từng thân cận vô lượng chư Phật, gieo trồng gốc các loại đức hạnh*”. Câu này đã nói rất rõ, trong đời quá khứ của ta nếu không có nền tảng cơ sở sâu dày như thế, thì liệu pháp môn này bày ngay trước mắt, bạn có tin không? Mà dù có tin thì liệu bạn có chịu nghiêm túc thực hành? Không hề dễ! Lời này của Phật rất thực, không hề giả trá.

Cho nên tôn giả A Nan đã thấy Đức Phật A Di Đà, thế giới Cực Lạc. “*Lại nói: Con cũng nguyện sanh về cõi nước này*”. Ngài cũng đã phát nguyện. Nhạo là hoan hỷ, yêu thích, mong sinh về thế giới Cực Lạc. “*Thế Tôn đáp rằng: người được vãng sanh đều như thế*”, chú trọng vào chữ đều này. Giai là đều là, chẳng có sót một ai. “*Đều đã thân cận cúng dường vô lượng Chư Phật, phụng sự học tập, rộng trồng đức bốn*”. Bạn thấy thiện căn sâu biết bao!

Nếu đời này mà nghiệp chướng tập khí nặng nề quá, không về nổi thì làm sao? Thì trong đời này lại gieo trồng thiện căn phước đức, chờ đến kiếp sau. Ở kiếp lai sinh trí huệ phúc đức của ta tốt hơn bây giờ. Như thế đó, đời đời kiếp kiếp, không nhất định là đời đời kiếp kiếp thì sẽ gặp được. Nhưng hạt giống kim cương này vĩnh viễn không mất đi trong a lại gia thức, hề gặp duyên là nó sẽ khởi tác dụng. Duyên đó chính là có được thân người, được nghe về Phật pháp. Cho nên thân người khó được, Phật pháp khó nghe. Vì thân người rất dễ tu thành. Giờ chúng ta đã thấy và đã hiểu.

Nga quý, địa ngục, súc sinh cũng có kẻ được vãng sanh, là nhờ đâu? Do thiện căn vô cùng sâu dày. Lúc lâm chung một niệm sai lạc, vì gặp việc trái ý, nổi nóng nên phải đọa địa ngục, dù người này tu rất khá. Người như thế Địa Tạng Bồ Tát chắc chắn sẽ giúp, vì sao? Vì người đó có thể tin, thì dù trong địa ngục vẫn được siêu bạt. Nga quý, súc sinh cũng y vậy. Súc sinh niệm Phật được vãng sanh nhiều lắm.

Pháp sư Đàm Hư mà người HongKong đều quen thuộc, lúc già sống ở HongKong, đã từng nói với tôi: thời trẻ ông xuất gia rất sớm, làm trụ trì ở một ngôi chùa Đầu Đà miền quê tỉnh Ôn Châu, trong chùa có một con gà trống. Lúc đó là năm đầu Dân Quốc, chùa chẳng có cả chuông, toàn nhờ

chú gà trống này báo thức. Sáng sớm gà gáy là tất cả dậy công phu sớm. Mỗi lần như thế chú gà trống theo chân mọi người đi nhiều vòng quanh Phật. Sau đó con gà này vãng sanh ngay trong đại điện. Nó đã chạy vào đứng giữa điện, ngẩng mặt hướng về Thế Tôn cất tiếng gáy 3 lần, rồi nó chết đứng. Nên lão hòa thượng xem như người xuất gia, làm một lễ trà tỳ, dựng một tháp nhỏ, chôn nó trong đó. Gà gáy 3 tiếng rồi lìa đời, chắc là niệm 3 danh hiệu Phật.

Con gà trống này chắc chắn chẳng phải người bình thường mà phải là kẻ xuất gia đầu thai biến hiện ra. Rất nhiều khả năng là nhà sư trước kia của chùa. Do một niệm sai lầm mà lạc vào trong súc sinh đạo, nhưng vẫn còn nhớ đạo tràng cũ của mình nên đã quay lại chỗ tu cũ. Cũng đã tu được một ít công đức do ngày ngày báo giờ, đánh thức mọi người dậy làm công phu buổi sớm. Đây là công đức nó tu nên nó đã vãng sanh.

Nhưng số lượng vãng sanh nhiều nhất vẫn là ở cõi người, cho nên cõi người rất khó được, rất dễ tu hành. Vì thế được thân người quý ở chỗ này. Quý vị hiểu thực sự, gặp được pháp môn này là vấn đề cả đời của bạn đã được giải quyết rồi.

Nên những kẻ vãng sinh này: *“Người được vãng sanh đều đã cùng đường thân cận vô lượng chư Phật, phụng sự học tập, rộng trồng đức bốn. Đúng như Kinh A Di Đà nói: Không thể thiếu thiện căn phước đức nhân duyên mà được sanh về nước này”*, thật đấy, chẳng giả chút nào. Cho nên chính ta phải tin mình có thiện căn, và cũng phải tin mình có tập khí. Nếu đời này muốn đến Cực Lạc, thì nhất định phải giảm bớt tập khí, sửa không được chẳng sao, có thể đời nghiệp vãng sinh. Nhưng nhất định bạn phải không chế cho được tập khí. Quan trọng nhất là khoảnh khắc lúc lâm chung.

Hôm qua tôi có xem một bản báo cáo, tuần này viết trên thế giới xảy ra hơn 50 vụ thiên tai, tai nạn. Tuần trước cũng hơn 50 vụ. Tôi nhằm tính tháng này sẽ hơn 200 vụ. Trong đó có mấy vấn đề rất quan trọng.

Xã hội hiện nay, thế giới hiện nay bất kể lúc nào cũng có thể xảy ra thiên tai hoạn nạn, con người chẳng thấy an toàn, đây là do nghiệp bất thiện cảm ứng. Đừng nghĩ chúng ta có thể cư ngụ trên thế giới này bao lâu? Không nên có suy nghĩ đó. Vậy phải nghĩ sao? Phải xem mỗi ngày như ngày cuối cùng của đời mình.

Ngài Ấn Quang đại sư đã dán chữ chết lên trước trán, nhìn thấy nó tự sáng đến tối để nhắc nhở chính mình. Chúng ta phải cảnh giác cao độ, cảnh tỉnh chính mình: Hôm nay là ngày cuối cùng, ngày mai còn sống không thì không rõ, không thể để việc gì rớt sang ngày mai, những việc phải làm hôm

nay phải làm cho xong, cho tốt. Làm việc gì? Việc vãng sanh. Ngày nào tôi cũng nghĩ đến vãng sinh thì chắc chắn cuối cùng tôi cũng sẽ vãng sinh. Đến thời điểm đó Phật A Di Đà nhất định sẽ đến đón tôi. Dù trong bất kỳ thiên tai, hoạn nạn nào, ta cứ niệm A Di Đà Phật, sẽ thấy Ngài đến đón.

Nếu chúng ta không đặt Phật A Di Đà vào trong tâm ta, mà còn chứa rất nhiều thứ lộn lạo, vất vãnh, thì sai lầm lớn lắm! Chúng ta không thể sai lầm nữa, thiên tai hoạn nạn đã nhiều đến thế, nghiêm trọng, nặng nề đến thế.

Đoạn dưới đây: “*Ngày nay, nếu muốn sanh về cõi nước này, nên nhất tâm quy y chiêm ngưỡng*” Quy y, “*Chiêm*” là chiêm vọng, “*ngưỡng*” là ngưỡng mộ, tôn sùng. Quy y chiêm ngưỡng thì trong đó có lễ Phật, quán Phật, niệm Phật, ức Phật. Cũng còn hàm chứa tông chỉ ngũ niệm của Bồ Tát Thiên Thân_Ngũ niệm pháp, trong ngũ niệm pháp có.

Thứ nhất là “*lễ bái*”; thứ hai là “*tán thán*” là niệm Phật, chấp trì danh hiệu chính là tán thán; thứ ba “*tác nguyện*” là phát nguyện; thứ tư “*quan sát*”; thứ năm “*hồi hướng*”. Nhớ Phật niệm Phật hiện tại tương lai nhất định thấy Phật, đừng nghĩ bất kỳ gì khác, sống qua ngày được rồi, giản dị sao cũng được. Không dễ có được một ngày bình yên trong thế giới này. Nhiều thiên tai hoạn nạn như thế mà chúng ta được yên ổn là nhờ Tam Bảo gia trì. Đây là cảm ứng việc ta niệm Phật, cảm ứng với thiện tâm của ta.

Cuối cùng Niệm Lão làm một tổng kết cho ta: “*Quan trọng là nhất tâm xưng niệm sáu chữ hồng danh, là tổng nhiếp ngũ niệm pháp môn vi diệu. Nhất tâm, tức tâm thanh tịnh*”. Câu này đã tổng kết xong, và cũng câu này đã tổng kết quy y chiêm ngưỡng. Trong lòng chỉ một câu A Di Đà Phật thì chính là tâm thanh tịnh, ngoài A Di Đà Phật ra buông bỏ hết thảy.

“*Lại như bản Kinh A Di Đà khắc trên đá ở Tương Dương thời sáu triều*”. Trên tấm bia đá được phát hiện này có một đoạn kinh văn, mà trong bản kinh hiện giờ không có. Trong bản kinh của La Thập không có. “*Nên xưng danh hiệu, các tội tiêu diệt, tức là nhiều thiện căn phước đức nhân duyên*”, có câu kinh như thế đó.

Chúng ta muốn nghiệp chướng tiêu hết, thì có phương pháp nào để tiêu mất nghiệp chướng hữu hiệu, nhanh chóng? Từ Vân Quán đánh pháp sư thời vua Càn Long đã giảng trong Quán Kinh Trực Chỉ. Ngài nói tội nghiệp cực nặng trong các kinh và sám pháp nhà Phật đều không tiêu diệt được, không tiêu được tội nặng này. Cuối cùng còn một phương pháp, chính là nhất tâm xưng niệm A Di Đà Phật thì tội của ta sẽ biến mất, tương ứng với câu khắc trên bia đá Tương Dương.

Xưng danh là có thể tiêu tội nghiệp, dùng phương pháp gì? Niệm Phật. Câu Phật hiệu này có thể tiêu sạch sẽ tất cả tội nghiệp từ vô thủy đến tận nay của ta. Những tập khí còn lại thì ta đời nghiệp vãng sanh. Đây chính là nhiều thiện căn, nhiều phước đức, nhiều nhân duyên. Chỉ một danh hiệu Phật gồm đủ cả ba.

Ai biết điều này? Kẻ không biết thì sẽ không phụng hành, ai tin? Người không tin cũng không phụng hành. Người ngạo mạn cũng không phụng hành, tự cho là đã rất giỏi, không coi trọng dạng kinh văn này. Rõ ràng chỉ có những ai thật thà, hiếu học, tu hành nghiêm túc đọc xong sẽ phụng hành và sẽ được lợi lạc. Tai nạn tiêu rồi thì phúc sẽ đến.

“Vì thế A Nan nhất tâm quy y chiêm ngưỡng, tức là nhiều thiện căn phước đức nhân duyên”. A Nan thông minh, A Nan chẳng phải người tầm thường, đã biểu diễn cho chúng ta thấy trong pháp hội Vô Lượng Thọ, làm cách nào để tiêu diệt tội lỗi của chúng ta. “Lại như những người đã vãng sanh, từng thân cận vô lượng chư Phật, trông các tội đức, nên tất nhiên có thể mãn nguyện vãng sanh”.

Chúng ta phải tin trong đời này được gặp Phật pháp, gặp được Đại Thừa, lại gặp được Tịnh độ. Trong Tịnh độ lại được gặp bộ kinh này, rõ ràng là không thể nghĩ bàn. Khi bộ kinh này đến Đài Loan, thầy Lý chỉ giảng 1 biến, sau đó không giảng nữa, thầy đưa chú thích cho tôi, xem xong tôi rất mừng. Cứ theo chú thích đó thì tôi giảng được.

Năm đó Hàn quán trưởng 50 tuổi, tôi muốn giảng kinh mừng sinh nhật bà. Bà in 3000 bản, đến Đài Trung báo với thầy Lý, thầy lắc đầu: không được. Đây là vì sao? Thầy bảo tuổi anh còn trẻ, trải nghiệm còn cạn, anh giảng kinh này sẽ có người phê bình, anh sẽ không chịu nổi. Tôi mới hiểu vì sao thầy Lý chỉ giảng một lần, không giảng lần thứ hai. Vì có rất nhiều người phê bình thầy, phản đối bản kinh này y như Trung Quốc đại lục. Tại sao thế? Do cư sĩ hội tập. Nói thật vẫn là chướng ngại của tật đố.

Nên thầy Lý giảng Kinh Vô Lượng Thọ lần thứ nhì dùng bản dịch của Khang Tăng Khải. Tôi học Kinh Vô Lượng Thọ cũng là học bản dịch của Khang Tăng Khải. Quyển này tốt hơn bản của Khang Tăng Khải, nếu so sánh thì sẽ thấy. Mà khi Hạ Lão cư sĩ đã nói với mọi người lúc vãng sanh: Bản Hội Tập của ông trong tương lai sẽ từ hải ngoại truyền về Trung Quốc. Mọi người nghe xong đều hoang mang ngơ ngác. Sao lại có thể từ hải ngoại truyền về Trung Quốc?

Lần đầu tôi đến Bắc Kinh thăm Hoàng Niệm Lão, ông đã cho tôi hay thông tin trên. Thầy của ông là Hạ Lão cư sĩ đã tiên tri biết trước kinh này

truyền sang hải ngoại. Và đúng thật là từ Mỹ, từ Canada. Lần đầu chúng tôi giảng ở Mỹ và cũng quen biết Hoàng Niệm Lão bên Mỹ. Lúc đó có một số bạn học Mật Tông ở hội Phật giáo Hoa Phủ liên hệ với Niệm Lão, ông là bậc thượng sư Mật Tông.

Những bạn đồng tu này đến tìm tôi bày tỏ ý định muốn mời một bậc thượng sư Mật Tông bên Trung Quốc sang Mỹ truyền pháp. Tôi bèn khuyên mọi người nên chuyên tu tịnh độ, chớ pha tạp rồi rắm pháp môn. Họ có vẻ khó xử. Thấy vậy tôi bèn hỏi vị thượng sư tên gì? Ông là Hoàng Niệm Tổ. Tôi nghe cái tên Hoàng Niệm Tổ rất quen, sau đó mới nhớ thầy Lý đã có nhắc đến học trò của Hạ Liên Cư, cháu của Mai Quang Hy. Tôi hỏi phải người đó không? Bạn ấy nói đúng. Tôi bảo vậy thì tốt, mời ông ấy qua vì chúng tôi cùng một nhà.

Thầy Lý theo học Phật pháp với Mai Quang Hy, là cháu của Hoàng Niệm Tổ. Kinh giáo của ông học từ Mai Lão cư sĩ, cho nên người này là cháu gọi Mai Lão cư sĩ là cậu, là học trò của Hạ Liên Cư. Chắc chắn là chánh tri chánh kiến, sẽ chẳng có vấn đề, nên tôi đồng ý. Thế là họ liên hệ mời ông sang Mỹ một tháng. Tôi cũng tất bật đi khắp nơi giảng kinh, ở Mỹ cũng chẳng gặp nhau, chỉ liên hệ qua điện thoại.

Ông đưa quyền chú giải, ông chỉ mang theo một bộ, in dầu, kê viết giấy nên tặng tôi. Lúc đó tôi ở Dallas, chẳng có thời gian xem. Khi chuẩn bị về Đài Loan tôi xếp vào trong hành lý. Về đến nơi mở ra xem: quá hay, không dễ gì gặp được! Tôi liên hệ với ông rồi đến Bắc kinh thăm ông. Tôi hỏi ông có bản quyền không? Không có bản quyền, hoan nghênh in ấn. Thế cho nên lần in đầu ở Đài Loan đã in 10000 quyền. Thấy vậy ông hết sức vui mừng.

Đây là một người học Phật chân chánh, nếu có bản quyền thì chẳng thể lưu truyền. Cổ nhân Trung Quốc xưa viết sách, có ai in sao lại đều cảm ơn, quý trọng và chẳng hề hạn chế, cấm đoán, nhất là Phật pháp. Phật phổ độ chúng sinh tại sao bạn có thể hạn chế? Nếu trên sách còn ghi "*có bản quyền, mọi vi phạm sẽ bị truy cứu trước pháp luật*". E rằng tương lai sẽ rơi vào tam đồ hết. Với tội danh gì? Đòi bản quyền chính là tội danh.

Chư Phật Bồ Tát, các tổ sư, cao tăng đều phổ độ chúng sinh. Sao quý vị có thể đoạt quyền của họ? Quý vị đòi tiền thì còn ra thể thống gì! Vậy là sẽ rắc rối to, cứ nghĩ tới sau này bị kiện dưới âm tào địa phủ mà bản quyền là chứng cứ. Cho nên thiện tri thức chân chánh thì khác, không hề có bản quyền, hoan nghênh việc in sao.

Bản quyền từ đâu ra? Trước kia đâu hề có, sao giờ lại có việc này. Xưa

kia cũng có nhưng chẳng ai quan trọng. Sau khi Liên Hiệp Quốc được thành lập, thông qua luật tác quyền thì quốc tế mới thừa nhận. Thông qua đạo luật không phải là tốt này, với rất nhiều những thứ thánh hiền lưu lại bây giờ đều trở thành có bản quyền. Ngay cả Kinh Đại Tạng cũng có bản quyền thì quý vị thấy có nguy không!

Hãy nghĩ đến thiên tai hoạn nạn hiện nay trên trái đất, thì đạo luật này chính là 1 nhân tố quan trọng trong thiên tai hoạn nạn. Những thứ của thánh hiền xưa lưu lại mà hạn chế lưu truyền, thì rắc rối lớn. Ta xem đoạn kinh dưới đây:

“Tác thị ngữ thời, A Di Đà Phật, tức ư chương trung, phóng vô lượng quang, phổ chiếu nhất thiết, chư Phật thế giới. Thời Chư Phật quốc, giai tất minh hiện, như xứ nhất tâm, dĩ A Di Đà Phật, thù thắng quang minh, cực thanh tịnh cố, ư thử thế giới, sở hữu: Hắc sơn, tuyết sơn, kim cang, thiết vi, đại tiểu chư sơn, giang hà, tùng lâm, thiên nhân cung điện, nhất thiết cảnh giới, vô bất chiếu kiến. Thí như nhật xuất, minh chiếu thế gian. Nãi chí nê lê”, nê lê là địa ngục. “Khê cốc, ư minh chi xứ, tất đại khai tịch, giai đồng nhất sắc, do như kiếp thủy, di mãn thế giới. Kỳ trung vạn vật, trầm một bất hiện, hoảng dưỡng hạo hãn, duy kiến đại thủy, bỉ Phật quang minh, diệc phục như thị”. Đây là ví dụ, đoạn này là ví dụ. “Thanh văn Bồ Tát, nhất thiết quang minh, tất giai ẩn tế, duy kiến Phật quang, minh diệu hiển hách”.

Ta xem chú giải của Niệm Lão: *“Lúc đạo sư cõi nước tôi nói lời này”, đạo sư nước tôi chính là Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni. “Như lai cõi nước này chấp tay phóng ánh quang minh”, Phật Thích Ca và Phật A Di Đà cả hai đồng lòng cùng nguyện. Để tiếp dẫn tất cả chúng sinh thì cả hai ngài đang biểu diễn.*

“Di Đà chấp tay phóng ánh quang minh, hiện rõ Đức Thế Tôn khuyến vãng sanh, Di Đà tiếp dẫn”, hai vị Phật của hai cõi đồng tâm đồng đức. “Ánh sáng Phật chiếu khắp tất cả cõi nước Phật, tượng trưng Di Đà phổ nhiếp phàm thánh khắp mười phương, khiến tất cả đều được vãng sanh”, nhân số vãng sanh thế giới Cực Lạc rất nhiều. Từ pháp thân Bồ Tát cho đến lục đạo chúng sinh, bao gồm cả tam đồ đều vãng sanh mỗi ngày không đếm xuể.

Thế giới Cực Lạc bao lớn? Thế giới Cực Lạc không có biên giới. Cô nhân nói hai câu nói, ở thế giới Cực Lạc ta có thể thấy: *“Kì đại vô ngoại, kì tiểu vô nội”*. Quả thực thế giới Cực Lạc như thế đó, và hiện tượng này chỉ có thể nhìn thấy trong pháp tánh. Trong A lại gia thức sẽ không thấy được, thấy được trong chân tâm, pháp tánh. Thế giới Cực Lạc chẳng có biên giới,

biến pháp giới hư không giới đều là thế giới Cực Lạc. Vì sao thế? Vì pháp tánh biến khắp mọi nơi.

“Do đó thân Như Lai biến khắp mọi nơi, cõi nước Như Lai biến khắp mọi nơi”. Bên trong câu này tồn tại một đạo lý rất sâu sắc. Những nhà vật lý, lượng tử lực học giỏi nhất hiện nay sẽ tin khi ta nói với họ điều đó. Họ nghiên cứu phát hiện, đã dần tiếp cận. Họ không thấy được tánh, nguyên nhân là do chưa buông bỏ được vọng tưởng phân biệt chấp trước, buông bỏ được là sẽ kiến tánh. Vì trong tự tánh không có những thứ này, cho nên vọng tưởng phân biệt chấp trước đã làm chướng ngại kiến tánh của bạn.

Phật đã nói rất rõ: Bỏ chấp trước thì sẽ chứng A La Hán, sẽ vượt qua lục đạo luân hồi, không chấp trước tất cả pháp thế xuất thế gian. Vì sao không chấp trước? Vì phạm những gì có tướng đều là hư vọng. Trong Kinh Bát Nhã có viết: “*Nhất thiết pháp vô sở hữu. tất cánh không, bất khả đắc*”. Nếu chúng ta thường nghĩ đến lời Bồ Tát Di Lạc nói: Một khảy móng tay là ba mươi hai ức trăm ngàn niêm, niêm niêm thành hình, hình đều có thức. Quý vị hiểu chân tướng của sự thật thì sẽ không chấp trước nữa.

Tại sao? Vì ta tính nếu một giây mà bùng được năm lần thì một giây sinh diệt bao nhiêu lần? 1600 triệu. Một phần của một ngàn sáu trăm triệu trong một giây, ta làm cách nào không chế được? Cho nên ta bảo ta không chế, chiếm hữu, đều là giả. Khi đã hiểu đạo lý này, đạo lý mà các nhà khoa học đã khẳng định, thì bạn sẽ biết được gì? Thân chúng ta là giả, thân chẳng phải là ta, ta là giả. Tất cả những gì ta có đều là giả.

Còn Phật pháp? Phật pháp cũng là giả, không phải thật. Phật đã nói rất rõ về điều đó trong Kinh Kim Cang: “*Pháp còn phải xả, huống gì phi pháp*”. Pháp đây là nói về Phật pháp, Phật pháp sinh ra do nhân duyên. Ví dụ như ta có bệnh, ta đưa một thứ cho bạn uống, thứ đó gọi là thuốc. Khỏi bệnh rồi thì thuốc không còn nữa. Phật trị bệnh của lục đạo, của mười pháp giới. Mười pháp giới, lục đạo chẳng còn, thì Phật pháp cũng chẳng còn. Cho nên bạn chấp trước vào Phật pháp là bạn đã sai rồi.

Trong tự tánh chẳng có Phật pháp, sao bạn lại có chấp trước này? Tự tánh sáng láng, trong kinh đại thừa gọi đó là đại quang minh tạng. Ở tịnh độ thì ta gọi là thường tịch quang tịnh độ, như thế đó. Chẳng có gì cả, có thể hiện được bất cứ thứ gì, điều đó thật là tuyệt vời! Việc năng hiện là có thật, vĩnh hằng bất diệt, là tự tánh.

Những huyễn tướng sở hiện là giả: Tướng có thể không, sự có lý không, cả hai không cản trở nhau. Tính năng hiện chẳng trở ngại sự tướng, sự tướng chẳng trở ngại tự tánh, quá sức tuyệt diệu! Cho nên nhà Phật gọi

đó là gì? Là diệu hữu, gọi tự tánh là chân không: “*Chân không bất không, năng hiện diệu hữu, diệu hữu phi hữu, tự tánh bản không*”. Bạn phải thâm nhập, thấu suốt những điều này, phải khẳng định, không hoài nghi gì nữa. Hoàn toàn tin vào nó, thì vọng tưởng phân biệt chấp trước của quý vị cũng chẳng còn.

Ông Viên Liễu Phàm là người như thế nào? Chắc chắn là người chân thành, hiếu học, nghiêm túc, chắc chắn là như thế. Ông có thể ngồi trong thiền đường suốt ba ngày ba đêm với Vân Cốc thiền sư mà không khởi một vọng niệm nào. Vân Cốc thiền sư hỏi ông nhờ đâu được thế? Ông bảo nhờ đã được Không tiên sinh đoán số phận sẵn rồi, có nghĩ cũng uổng công thôi, chẳng ích gì. Chỉ với một niềm tin này mà ông có thể dừng được vọng tưởng, ba ngày ba đêm không nảy một ý nghĩ nào trong đầu. Một con người thật thà chân thành. Người không chân thành thì không được thế, sẽ nghĩ ngợi vẫn vơ. Người thật thà chân thành chẳng nghĩ gì cả.

Còn đệ tử Phật thì sao? Đúng là không nghĩ gì cả, chỉ nghĩ đến A Di Đà Phật, Tịnh tông tuyệt vời là ở chỗ này. Quả thật đã bảo ta buông hết vạn vật xuống, trong lòng chỉ còn mỗi Phật A Di Đà. Niệm niệm A Di Đà Phật tự hành hóa tha. Như thế thì sẽ giáo hóa được rất nhiều người, chẳng cần phải giảng kinh thuyết pháp, sẽ tác động đến rất nhiều chúng sinh, có thể khiến rất nhiều chúng sinh biết quay đầu lại ngộ ra chân lý.

Lúc lia đời lại có thể diễn một màn: đứng lia đời hoặc là ngồi lia đời, biết trước thời khắc đó, và chẳng hề ốm đau. Vậy thì ai chẳng tin chứ? Cho nên đây là tâm Phật. Phật với Phật đồng tâm và cũng đồng đức, tâm y như nhau, đức y như nhau, chính là mong tất cả chúng sinh sớm quay đầu lại, sớm trở thành Phật. Đừng làm những việc giả dối hư vọng nữa.

“*Ánh sáng của Phật chiếu soi tất cả cõi nước Phật, tượng trưng Phật A Di Đà phổ nhiếp phàm thánh 10 phương, khiến tất cả đều được vãng sanh*”. Cho nên vãng sanh có pháp thân Bồ Tát, có quyền giáo Bồ Tát, có Bích Chi Phật, có A La Hán, có chư thiên đại chúng, có lục đạo chúng sinh.

“*Vì ánh sáng Phật gia trì, đại chúng trong hội, đều thấy được cõi nước của mười phương Phật, như trong một tâm*”. Một tâm là tám thước, vẫn chưa đến một trượng. Điều đó nói lên điều gì? Tượng của mười phương quốc độ hiện trước mặt, như chúng ta nhìn lên màn hình tivi vậy, thấy hết tất cả cảnh tượng thập phương chư Phật, đây là thần lực của Phật A Di Đà sở hiện.

“*Ánh sáng Phật Di Đà, tôn quý nhất trong các ánh sáng, nên gọi là thù thắng. Sở dĩ thù thắng, vì nó vô cùng thanh tịnh, vì thế tất cả núi sông,*

cảnh vậy ở thế giới này, ví như hắc sơn, lại gọi là hắc lĩnh”, đây là tên của núi. “*Xem Tây Vực Ký và Từ Ân Truyện*”, Từ Ân chính là ngài Khuy Cơ. Đây là nói trên trái đất chúng ta, tất cả đều xuất hiện trong ánh hào quang của Phật A Di Đà, nó chiếu soi hết thấy.

Không những chiếu kiến, chúng ta xem đoạn dưới đây: “*Cho đến địa ngục, là nơi u tối*”, cũng đều chiếu đến. Chiếu soi đường địa ngục, chiếu soi đường ngạ quỷ, đo đó mà biết chiếu rọi hết tất cả, tất cả đều được nhìn thấy trong luồng ánh sáng Phật đó. Rõ ràng ánh Phật quang đã đột phá tất cả tầng không gian, Phật quang rọi chiếu thì tầng không gian chẳng còn. Lục đạo, thập pháp giới, thậm chí tất cả quốc độ của chư Phật ở nơi khác ta đều thấy được.

“*Tuyết sơn*” tức núi Himalaya, “*trên đỉnh núi luôn có tuyết nên gọi là núi tuyết*”. “*Kim cang, thiết vi, đều là tên núi*”, không có trên trái đất chúng ta. Đây có chú giải: “*Xem kỹ phẩm chú thứ 11*”, phía trước chúng ta đã học rồi. “*Tất cả như thế, đều chiếu soi hết*”, Phật quang bất đồng với_ Đây là quang trung tối thắng. Giờ chúng ta biết ánh sáng rất nhiều, bước sóng khác nhau. Mắt chúng ta chỉ nhìn thấy được một ít, nếu sóng dài hơn hoặc ngắn hơn thế thì ta không thấy, phải dùng thiết bị khoa học mới nhìn được.

Tất cả ánh sáng của Phật đều không có chướng ngại, đều thấy được hết. Cho nên dưới ánh Phật quang thì ta sẽ nhìn thấy vũ trụ này rất khác nhau. Những gì mà mắt thường không thấy được thì đều nhìn thấy cả. Điều này hiện giờ khoa học đã chứng minh được. Những lời kinh này thì các nhà khoa học chắc chắn sẽ chẳng bao giờ phản đối.

Thôi hôm nay đã hết giờ, chúng ta tạm dừng ở đây.

Hết tập 545